TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST
Ngày 13/01/2020
"*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mý
2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2019/QĐST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng A; địa chỉ: Số M, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Trung H; địa chỉ: Số Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *(Theo Quyết định số 46 ngày 30/5/2019 của Ngân hàng A – Chi nhánh Gia Lai)*. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Luyện Văn L; địa chỉ: Thôn V, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng A (Ngân hàng) thông qua Chi nhánh Gia Lai có cho ông Luyện Văn L vay tiền theo theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N0007/118 ngày 03/01/2018 như sau: Số tiền vay là 250.000.000 đồng; mục đích vay là bổ sung vốn đầu tư nông nghiệp; thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 04/01/2018 đến ngày 04/01/2019; lãi suất trong hạn là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; phương thức trả nợ lãi 06 tháng/lần, gốc trả cuối kỳ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông L chỉ trả lãi trong hạn đến ngày 06/7/2018, số tiền đã trả là 14.000.000 đồng. Do ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên đến ngày 04/01/2019 Ngân hàng đã chuyển thành nợ quá hạn. Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng nêu trên thì giữa Ngân hàng với ông L có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N0006/TC18 ngày 03/01/2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 77, tờ bản đồ số 123 tại xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 114432 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 23/7/2007. Do ông Luyện Văn L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông Luyện Văn L phải trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 13/01/2020 gồm nợ lãi trong hạn là 13.881.945 đồng, nợ lãi quá hạn là

42.854.167 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến ngày ông Luyện Văn L trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn. Trường hợp ông Luyện Văn L không trả hết số tiền còn nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn Luyện Văn L đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng ông L cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của ông L.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Quyết định số 46 ngày 30/5/2019; Quyết định số 165 ngày 01/11/2017; Quyết định số 122 ngày 27/4/2016; Quyết định số 2045 ngày 11/11/2016; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 12/5/2015; Hoạt động khế ước cho vay tín dụng ngày 03/6/2019; Bảng tính lãi khách hàng vay ngày 30/5/2019; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn ngày 03/01/2018; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 03/01/2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 03/01/2018; Bảng kê rút vốn kiêm nhận nợ vay ngày 04/01/2018; Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu Luyện Văn L; Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 03/01/2018; Bản án số 12 ngày 08/5/2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 114432 do UBND huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 23/7/2007; Điều lệ Ngân hàng A; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/11/2019; Bản tự khai của Ngân hàng A; Hoạt động khế ước cho vay tín dụng ngày 11/11/2019; Bảng tính lãi khách hàng vay ngày 12/11/2019; Biên bản xác minh ngày 30/8/2019; Bảng tính lãi khách hàng vay ngày 13/01/2020.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng dân sự về tín dụng và pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số N0007/118 ngày 03/01/2018 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng đã được giao kết nên

nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ Luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, buộc bị đơn là ông Luyện Văn L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ đến ngày 13/01/2020 là 306.736.112 đồng, trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.881.945 đồng, nợ lãi quá hạn là 42.854.167 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông Luyện Văn L trả hết nợ cho Ngân hàng.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân hàng với ông Luyện Văn L có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N0006/TC18 ngày 03/01/2018. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 77, tờ bản đồ số 123 tại xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 114432 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 23/7/2007. Hợp đồng nói trên có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực và các bên buộc phải thực hiện. Qua kết quả xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 07/11/2019 thấy rằng, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất không có tranh chấp. Vì vậy căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự buộc ông Luyện Văn L phải hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.700.000 đồng.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 299, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

2. Buộc ông Luyện Văn L phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền nợ tính đến ngày 13/01/2020 là 306.736.112 đồng (Ba trăm không sáu triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn một trăm mười hai đồng), trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 13.881.945 đồng (Mười ba triệu tám trăm tám mươi mốt nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng), nợ lãi quá hạn là 42.854.167 đồng (Bốn mươi hai triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông Luyện Văn L trả hết nợ.

3. Trong trường hợp ông Luyện Văn L không trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 77, tờ bản đồ số 123 tại xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 114432 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh

Gia Lai cấp ngày 23/7/2007 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N0006/TC18 ngày 03/01/2018 được ký kết giữa Ngân hàng A với ông Luyện Văn L.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Buộc ông Luyện Văn L phải trả lại cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

6. Về án phí: Buộc ông Luyện Văn L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.336.806 đồng (Mười lăm triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm không sáu đồng). Ngân hàng A không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.015.278 đồng (Bảy triệu không trăm mười lăm nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0005720 ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính